TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2025
"V/v Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth.

2. Bà Phạm Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Ngô Thị Tiểu Loan, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kim H, sinh ngày 09/9/1980.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Ông Võ Văn Ú, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đặng Thị Kim H trình bày: Vào năm 2000, bà Đặng Thị Kim H và ông Võ Văn Ú tổ chức lễ cưới và tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà H và ông Ú có 02 (hai) người con chung là Võ Văn H1 (nam) sinh ngày 10/4/2002 và Võ Thị Thanh T (nữ) sinh ngày 16/3/2006. Thời gian đầu, cuộc chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, thường tranh chấp cãi vã nên thường xuyên mâu thuẫn làm cho tình cảm không còn, hai người không còn sống chung từ tháng 6/2021 đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Kim H yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà với ông Võ Văn Ú không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: 02 (hai) người con chung là Võ Văn H1 (nam) sinh ngày 10/4/2002 và Võ Thị Thanh T (nữ) sinh ngày 16/3/2006 đã thành niên, tự lao động được nuôi sống bản thân nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Văn Ú: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông Ú không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, ông Ú cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho ông Ú và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 12/12/2025, bị đơn ông Ú vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Kim H khởi kiện, yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà H với ông Võ Văn Ú là vợ chồng. Yêu cầu của bà H được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần

Thơ theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Văn Ú đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ giấy khai sinh của các cháu Võ Văn H1, Võ Thị Thanh T và lời trình bày của nguyên đơn cũng như việc không phản đối của ông Ú; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định bà H và ông Ú chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung giữa bà H và ông Ú có 02 (hai) người con chung là Võ Văn H1 (nam) sinh ngày 10/4/2002 và Võ Thị Thanh T (nữ) sinh ngày 16/3/2006 là sự thật. Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông Ú không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà H và ông Ú là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: 02 (hai) người con chung là Võ Văn H1 (nam) sinh ngày 10/4/2002 và Võ Thị Thanh T (nữ) sinh ngày 16/3/2006 đã thành niên, có cuộc sống riêng; bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Kim H khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Kim H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Đặng Thị Kim H và ông Võ Văn Ú không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Kim H và ông Võ Văn Ú có 02 (hai) người con chung là Võ Văn H1 (nam) sinh ngày 10/4/2002 và Võ Thị Thanh T (nữ) sinh ngày 16/3/2006, đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Kim H khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị Kim H phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005407 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

Bà Đặng Thị Kim H và ông Võ Văn Ú có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hiếu